TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2017/HC-PT
Ngày 24-8-2017
V/v: Yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận QSDĐ và các Quyết định giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nhận;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 92/2016/HC-TLPT ngày 08 tháng 11 năm 2016 về việc "Yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các Quyết định giải quyết khiếu nại" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2544/2017/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa:

Người khởi kiện: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1969; địa chỉ: xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Thanh S - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang; theo văn bản ủy quyền số 1293/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 (BL320); vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện V; địa chỉ: Trụ sở UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang; theo văn bản ủy quyền số 5705/QĐ-UBND ngày 23/8/2017.

3. Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Bắc Giang; theo văn bản ủy quyền số 27/QĐ-UBND ngày 6/3/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang: Ông Ngô Văn X - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bắc Giang; ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch UBND huyện V; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Cụ Trần Thị N, sinh năm 1918; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3. Ông Trần Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 489, tổ 11, ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

4. UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang: Ông Đỗ Danh L - Chủ tịch UBND xã T; có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn T1 - nguyên cán bộ địa chính xã T từ năm 2012 đến tháng 6 năm 2016; có mặt.

6. Ông Nguyễn Thế H - nguyên cán bộ thống kê, Hợp tác xã thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện là bà Vũ Thị D trình bày: Ông Trần Văn D và bà (Vũ Thị D) kết hôn năm 1987. Quá trình chung sống, mẹ chồng bà là cụ Trần Thị N đã được cụ Trần Văn S (chồng cụ N) chia cho 356m^2, vợ chồng bà được chia 360m^2 đất ở. Năm 1988, địa phương có chủ trương giao đất 10%, đổi đất ruộng lấy đất vườn, theo phương thức cứ 1m^2 đất ruộng đổi được 6m^2 đất vườn, do vậy để có thêm 1267m^2 đất vườn, vợ chồng bà đã phải đổi 218m^2 đất ruộng nên đất đai thuộc quyền sử dụng đứng tên chồng bà mới có diện tích là 1627m^2.

Ngày 20/5/2008, chồng bà là ông Trần Văn D làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ thửa số 76, diện tích 1627m^2 là đất ở của vợ chồng bà. Ngày 30/9/2008, UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số AN671434, số vào sổ cấp H05011 mang tên ông Trần Văn D đối với thửa đất này.

Ngày 10/01/2013, ông Trần Văn T (anh ruột của ông D) được mẹ là cụ Trần Thị N uỷ quyền làm đơn gửi UBND xã T đề nghị được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 76, diện tích 1627m^2 mà ông D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/5/2013, UBND huyện V ban hành Quyết định số 320/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt, viết tắt là Quyết định 320) thu hồi GCNQSDĐ mang tên ông Trần Văn D. Không đồng ý với quyết định này, ông D khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện V. Ngày 01/10/2013, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2683/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt, viết tắt là Quyết định 2683) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đơn của ông D cho rằng Quyết định 320 là đúng pháp luật. Ông D tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang và đã được giải quyết bằng Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 (sau đây gọi tắt, viết tắt là Quyết định 1579) giải quyết khiếu nại lần 2, thống nhất với Quyết định số 2683 của Chủ tịch UBND huyện V.

Bà D1 cho rằng các quyết định trên ban hành trái thẩm quyền, trái pháp luật và trái với sự thật khách quan trong quá trình sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng bà. Thửa đất này có diện tích 1627m^2 thuộc tờ bản đồ số 3 thửa số 76, có địa chỉ tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã được cấp GCNQSDĐ ngày 30/9/2008 mang tên chồng bà là ông Trần Văn D. Quyết định 320 là trái pháp luật vì căn cứ điểm b khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003, muốn thực hiện việc lập hồ sơ cho tặng thì cụ Trần Thị N phải có GCNQSDĐ, thực tế cụ N hoàn toàn không có GCNQSDĐ.

Quyết định 2683 giữ nguyên nội dung Quyết định 320 mà Quyết định 320 trái pháp luật nên đương nhiên quyết định này cũng trái pháp luật. Việc UBND huyện V căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-CT ngày 28/10/2004 cấp Giấy chứng nhận cho 76 hộ gia đình trong đó có cụ Trần Thị N và coi là có giá trị tương tự như một GCNQSDĐ đã cấp cho hộ gia đình hoặc cá nhân, điều này không đúng với quy định của pháp luật đất đai năm 2003. Hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của cụ Trần Thị N có giả mạo chữ ký cụ N vì cụ N không biết chữ.

Đối với Quyết định 1579, Quyết định này đã thừa nhận 02 Quyết định trái pháp luật đã nêu trên là trái thẩm quyền, trái pháp luật đất đai, trái quy định của luật khiếu nại.

Trong các ngày 26/12 và 30/12/2014; 29/01 và 03/02/2015, bà Vũ Thị D nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện V yêu cầu hủy các Quyết định 320; 2683; 1579; huỷ Quyết định cấp GCNQSD ngày 29/10/2014, thửa số 76, tờ bản đồ số 02, có địa chỉ tại thôn K, T, V tên chủ hộ là cụ Trần Thị N; đề nghị bồi thường thiệt hại do phải chi phí đi khiếu nại, khiếu kiện. Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện V đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án tỉnh Bắc Giang giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 15 và 18/7/2015, bà Vũ Thị D tiếp tục có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang cũng với các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Chứng cứ khởi kiện của của người khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân (cấp sơ thẩm) gồm: Đơn khởi kiện; Chứng minh thư nhân dân; Sổ hộ khẩu; các Quyết định 320, 2683; 1579; văn bản ủy quyền của ông Trần Văn D cho bà Vũ Thị D (bản sao có chứng thực); hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Trần Thị N, ông Trần Văn D;

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện V, UBND huyện V trình bày: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 116 có diện tích 4065,4m^2, bản đồ địa chính của xã T đo năm 2009 là do ông Trần Văn S và bà Trần Thị N sử dụng từ trước năm 1960. Năm 1994, ông Trần Văn S (bố ông D) chết không để lại di chúc. Ông Trần Văn D ở với bố, mẹ trên thửa đất có diện tích 1.627m^2. Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông Trần Văn D hiện đang lưu trữ tại văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, thấy:

Ngày 20/5/2008, ông Trần Văn D có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ thửa số 76, diện tích 1.627m^2 là đất ở. UBND xã T đã xác nhận thửa đất ông D đề nghị cấp GCNQSDĐ là đất lịch sử, thời điểm sử dụng từ năm 1970 không tranh chấp. UBND xã có tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 27/8/2008 đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ mang tên ông Trần Văn D thửa số 76, tờ bản đồ số 03, bản đồ giải thửa của xã T năm 1998, diện tích 1627m^2 là đất ở (ONT) tại thôn K, xã T. Trên cơ sở tờ trình của UBND xã T, ngày 30/9/2008, UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số AN671434; số vào sổ H05011 cho thửa đất mang tên ông Trần Văn D.

Tuy nhiên, trước thời điểm ông Trần Văn D đề nghị cấp GCNQSDĐ diện tích 1627m^2 mang tên ông D thì ngày 20/5/2004 cụ Trần Thị N (mẹ ông D) đã có đơn gửi UBND xã T đề nghị được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Đơn của

cụ N đã được UBND xã T xác nhận và đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho cụ N. Ngày 28/10/2004, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1745/QĐ-CT về việc cấp GCNQSDĐ cho 76 hộ gia đình xã T, trong đó có tên cụ Trần Thị N.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, ngày 23/4/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 39/BC-TNMT báo cáo Chủ tịch UBND huyện. Tại Kết luận số 02/KL-TTr ngày 20/5/2013 của Thanh tra huyện có cùng nội dung với báo cáo số 39, cụ thể: Hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Trần Văn D không thực hiện việc lập hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003. Do vậy việc cấp GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn D, trú tại thôn K, xã T, diện tích 1.627m^2, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03 là không đúng quy định của Luật Đất đai. Đề nghị UBND huyện V thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho ông Trần Văn D. Ngày 27/5/2013, UBND huyện đã ban hành Quyết định 320 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn D.

Ông Trần Văn D khiếu nại Quyết định 320. Sau khi kiểm tra, xác minh, tiến hành làm việc với những thành phần có liên quan, trên cơ sở Báo cáo số 76/BC-TNMT ngày 26/7/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, xét thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN671434; số vào sổ H05011, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03, bản đồ dải thửa của xã T năm 1998, diện tích 1.627m^2 là đất ở (ONT) tại thôn K, xã T mang tên ông Trần Văn D là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003; Điều 3 quy định hạn mức đất ở và hạn mức công nhận đất ở có vườn, ao đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, (Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2005/QĐ-UB ngày 03 tháng 11 năm 2005 của UBND tỉnh Bắc Giang). Việc ông Trần Văn D khiếu nại Quyết định 320 là không có cơ sở. Ngày 01/10/2013, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2683 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đơn của ông D cho rằng Quyết định 320 là đúng pháp luật.

Bà Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 320 của UBND huyện V; Quyết định 2683 của Chủ tịch UBND huyện V là không đúng, không có cơ sở vì các Quyết định này đều được ban hành đúng trình tự, quy định của pháp luật, nội dung vụ việc đã được xác minh, giải quyết rõ ràng.

Quan điểm của UBND về việc bà Vũ Thị D yêu cầu Toà án tuyên huỷ GCNQSD đất mà UBND huyện V cấp cho cụ Trần Thị N: Ngày 20/5/2004, cụ Trần Thị N đã có đơn gửi UBND xã T đề nghị được cấp GCNQSDĐ diện tích 1627m^2 (trong đó 360m^2 đất ở, 1267m^2 đất vườn). Đơn của cụ N đã được UBND xã T xác nhận và đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho cụ N với diện tích 1627m^2. Ngày 28/10/2004, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 1745/QĐ-CT về việc cấp GCNQSDĐ cho 76 hộ gia đình xã T, trong đó có tên cụ Trần Thị N. Do GCNQSDĐ bị mất, nay cụ N đề nghị cấp lại, nên việc UBND huyện V cấp lại GCNQSDĐ cho cụ N là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện người bị kiện là Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang trình bày: Việc ông Trần Văn D khiếu nại Quyết định 2683, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2 là đúng thẩm quyền. Căn cứ kết quả xác minh, đề xuất của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bắc Giang, cụ thể: Ngày 28/10/2004 Chủ tịch UBND huyện V có Quyết định số 1745/QĐ-CT về việc cấp GCNQSDĐ cho 76 hộ gia đình xã T trong đó hộ cụ Trần Thị N được cấp GCNQSDĐ, thửa đất số 76, diện tích 1627m^2 (gồm 360m^2 đất ở, 1267m^2 đất vườn). Tại thời điểm năm 2008, khi cấp GCNQSDĐ cho ông D thì Quyết định số 1745/QĐ-CT của UBND huyện V vẫn đang còn hiệu lực pháp luật. UBND huyện V lại tiến hành cấp GCNQSDĐ cho ông D tại thửa đất trên trong khi không có việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ N và ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003. Như vậy việc cấp GCNQSDĐ trên cho cá nhân ông D là trái quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Văn D không có biên bản niêm yết và kết thúc công khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ; cấp GCNQSDĐ diện tích 1627m^2 đất ở nông thôn (ONT) là vượt hạn mức theo quy định tại Điều 3 bản Quy định hạn mức đất ở và hạn mức công nhận đất ở có vườn, ao đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 77/2005/QĐ-UB ngày 03/11/2005 của UBND tỉnh Bắc Giang. Do đó, ngày 10/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1579/QĐ-UBND đối với ông D thống nhất với nội dung Quyết định 2683 của Chủ tịch UBND huyện V. Quyết định 1579 là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 204

Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011. Đề nghị Toà án giữ nguyên quyết định 1579 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ Trần Thị N và ông Trần Văn T giữ nguyên những ý kiến trước đây đã được lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn D trình bày: Thửa đất số 76 tờ bản đồ số 3 diện tích 1.627m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông do bố ông cho và chuyển đổi đất ruộng lấy đất vườn mà có, không thuộc quyền sử đất của cụ Trần Thị N, đề nghị Toà án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Chứng cứ do người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cung cấp cho Tòa án là toàn bộ các Quyết định giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị D, ông Trần Văn D và các văn bản pháp luật có liên quan; các Quyết định bị khởi kiện; Kết luận số 02/KL-TTr ngày 20/5/2013 của Thanh tra huyện V về việc thẩm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn D; Báo cáo số 30/BC-TNMT ngày 02/4/2013 và Báo cáo số 39/BC-TNMT ngày 23/4/2013 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện V về kết quả xác minh, giải quyết đơn của ông Trần Văn T.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 16/9/2016, người khởi kiện xin vắng mặt và khẳng định đất của vợ chồng bà do đổi đất ruộng mà có, không phải đất do bố mẹ tặng, cho; người bị kiện có quan điểm các quyết định hành chính đã ban hành đúng pháp luật nên giữ nguyên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HCST ngày 04/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định: Áp dụng khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; khoản 3 Điều 49, khoản 1 Điều 129, Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 18, Điều 21 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 204, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D về yêu cầu huỷ các Quyết định 320; 2683; 1579 và yêu cầu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường bằng tiền theo quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Uỷ ban nhân dân huyện V cấp cho cụ Trần Thị N số BX467993 ngày 29/10/2014.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Ngày 29/6/2016, người khởi kiện là bà Vũ Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và nêu rõ: Nguồn gốc thửa đất số 76 tờ bản đồ số 3 diện tích 1.627m^2 là của vợ chồng cụ Trần Văn S, Trần Thị N. Năm 1988, thực hiện chính sách giao đất 10% cho các hộ, do số đất vườn của bố mẹ tôi rộng phải trả lại nên vợ chồng tôi đã đổi đất rau xanh ngoài đồng để lấy đất vườn theo phương thức 1m^2 đất ruộng được 6m^2 đất vườn. Vợ chồng tôi đã đổi 218m^2 đất ngoài ruộng và bố cho 360m^2 nên diện tích đất có được là 1627m^2. Do đó, diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng tôi, không thuộc quyền sử dụng đất của cụ Trần Thị N. Việc đất đang có tranh chấp mà UBND huyện V cấp sổ đỏ cho cụ Trần Thị N là không đúng pháp luật. Đề nghị Toà án giải quyết đúng quy định của pháp luật, hủy các quyết định hành chính tôi đã khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ N.

Người bị kiện trình bày việc ban hành các quyết định bị khởi kiện là đúng pháp luật, giữ nguyên các quyết định này và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang có quan điểm: Theo quy định của Luật Đất đai thì Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định 1579 là đúng pháp luật. Về khiếu nại, trình tự giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai pháp luật nhà nước quy định rõ ràng. Trong quá trình trình bày khi giải quyết vụ kiện cũng như tại phiên tòa này, về phía bà D1, ông D, Ông T hiểu về pháp luật đất đai rất hạn chế. Đã có lần bà D1 rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ, sau đó bà D1 lại khiếu nại. Ông T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng có khiếu nại, chúng tôi bảo vệ quyền lợi cho cả hai bên. Tuy nhiên, do hiểu biết pháp luật của các bên hạn chế nên rất khó khăn cho chính quyền khi giải quyết khiếu nại của các bên. Tại thời điểm ban hành Quyết định 320, Quyết định 1745 đang có hiệu lực thi hành. Quyết định này năm 2004 được thực hiện theo Thông tư 1991, trình tự kê khai, xã xét duyệt, niêm yết công khai và xã làm tờ trình đề nghị cấp Giấy

chứng nhận cho các hộ. Ngoài hộ Ông T bị khiếu nại, chưa có hộ nào khác khiếu nại quyết định này.

Là cơ quan quản lý cấp trên, chúng tôi thừa nhận cũng còn nhiều thiếu sót trong việc quản lý hồ sơ, tài liệu trong việc cấp, giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, cá nhân trong địa bàn tỉnh. Đối với 76 hộ này, cụ N được cấp hai thửa nhưng không được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008, khi ông Trần Văn D xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã T đã không biết thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận cho cụ N nên lại tiếp tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho ông D. Năm 2012 mới phát sinh tranh chấp thửa đất này. Chúng tôi không xác định thửa đất này là của ai. Liên quan đến việc giải quyết vụ án, trước đây địa phương có quy định về tỷ lệ 1; 3; 6; 9 quy đổi để giao đất cho các hộ. Việc này được xem xét trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai và không xem xét trong vụ án này.

Quyết định 320 là đối tượng giải quyết khiếu nại, đây là nội dung chính để chúng tôi giải quyết. Về trình tự, thủ tục, nội dung Quyết định 1579 là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao sau khi tham gia xét hỏi, tóm tắt nội dung vụ kiện, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa đã kết luận: Việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn D và giải quyết khiếu nại của ông D là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các Quyết định 320; 2683; 1579 là đúng pháp luật nên yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định này của người khởi kiện là không có căn cứ.

Đối với Quyết định 1745: Việc UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Trần Thị N khi thửa đất đang có tranh chấp là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện hủy các Quyết định 320; 2683; 1579. Chấp nhận một phần kháng cáo, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ cụ Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người khởi kiện; người bị kiện; người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có các nhận định sau đây:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là Quyết định hành chính số 320/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 của UBND huyện V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn D trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quyết định hành chính số 2683/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định hành chính số 1579/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn D; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Trần Thị N. Căn cứ đơn khởi kiện của bà Vũ Thị D, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định đúng, đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt hoặc đại diện hợp pháp. Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; những người bị kiện giữ nguyên các Quyết định bị khởi kiện; vụ án được xét xử phúc thẩm công khai. Các đương sự đều nhất trí về việc công khai bản án phúc thẩm.

[2] ***Về nội dung***:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành các Quyết định 320; 2683; 1579: UBND huyện V ban hành Quyết định 320, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định 2683, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định 1579 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 52; Điều 138 Luật đất đai năm 2003; Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ; Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định 320; 2683; 1579:

Sau khi UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN671434; số vào sổ H05011 mang tên ông Trần Văn D thửa số 76, tờ bản đồ số 03, diện tích 1627m^2 là đất ở (ONT), địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã T, ông Trần Văn T đã khiếu nại cho rằng thửa đất ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của mẹ ông, cụ Trần Thị N. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác

minh, ngày 23/4/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V đã có Báo cáo số 39/BC-TNMT báo cáo Chủ tịch UBND huyện. Tại Kết luận số 02/KL-TTr ngày 20/5/2013, Thanh tra huyện có cùng nội dung với báo cáo số 39, cụ thể: Hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Trần Văn D không thực hiện việc lập hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 129 Luật Đất đai năm 2003. Do vậy việc cấp GCNQSD đất mang tên ông Trần Văn D là không đúng quy định của Luật Đất đai. Trên cơ sở này, ngày 27/5/2013, UBND huyện V đã ban hành Quyết định 320 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn D.

Ông Trần Văn D khiếu nại Quyết định 320 đến Chủ tịch UBND huyện V. Sau khi kiểm tra, xác minh, tiến hành làm việc với những thành phần có liên quan, trên cơ sở Báo cáo số 76/BC-TNMT ngày 26/7/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, xét thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn D là không đúng quy định của pháp luật nên ngày 01/10/2013, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2683 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đơn của ông D khẳng định Quyết định 320 là đúng pháp luật.

Không nhất trí với giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện V tại Quyết định 2683, ông D tiếp tục khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Căn cứ kết quả xác minh, đề xuất của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bắc Giang, ngày 10/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1579/QĐ-UBND đối với ông D thống nhất với nội dung Quyết định 2683 của Chủ tịch UBND huyện V.

Các Quyết định 320; 2683; 1579 là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.3] Về nội dung các Quyết định 320; 2683; 1579: Hội đồng xét xử thấy có những lý do để UBND huyện V thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn D như sau:

- Ngày 30/9/2008, UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN671434; số vào sổ H05011 mang tên ông Trần Văn D thửa số 76, tờ bản đồ số 03, diện tích 1627m^2 là đất ở (ONT), địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã T. Tuy nhiên, trước đó năm 2004, Chủ tịch UBND huyện V cũng đã ban hành Quyết định 1745 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 76 hộ gia đình, cá nhân trong đó có hộ cụ Trần Thị N với chính thửa đất mà UBND huyện V cấp cho ông D. Như vậy, một thửa đất cấp cho hai chủ, tại hai thời điểm khác nhau là không đúng pháp luật (cấp trùng).

- Nguồn gốc thửa đất này theo xác minh của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện V là của vợ chồng cụ Trần Văn S, Trần Thị N và chỉ là một phần trong tổng diện tích 4.065,4m^2 do các cụ khai hoang từ những năm 1960. Theo lời khai của bà D1, ông D thì thửa đất này đứng tên ông D trong sổ địa chính của xã, là chủ đất từ năm 1988. Ông bà D1 Dăm đã thực hiện nghĩa vụ của chủ sử dụng đất đối với nhà nước từ đó đến nay. Lý do của việc ông D là chủ đất do chính sách chia đất 10% của xã năm 1988: Thời điểm này, cụ Sinh cho vợ chồng ông, bà D1 - Dăm 360m^2 đất ở, số đất còn lại do đổi đất ruộng theo phương thức cứ 1m^2 đất ruộng đổi được 6m^2 đất vườn. Vợ chồng ông D đã phải đổi 218m^2 đất ruộng rau xanh để đổi cộng với 360m^2 đất bố cho mới có diện tích 1627m^2 (Lời khai này của vợ chồng bà D1 phù hợp với lời khai của các ông Nguyễn Thế H, Trần Văn Phát, Nguyễn Ngọc Tính - nguyên là cán bộ thống kê, Chủ nhiệm HTX, Bí thư Chi bộ thôn K, xã T - BL196-199). Tại phiên tòa phúc thẩm bà D1 giữ nguyên những lời khai trong quá trình giải quyết vụ kiện và khẳng định thửa đất này là của vợ chồng bà. Như vậy, thửa đất này đang có sự tranh chấp về chủ sở hữu là của cụ Trần Thị N hay là của vợ chồng ông D, bà D1 (Để xác định ai là chủ sở hữu thửa đất này phải giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu). Việc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Thị N hay ông Trần Văn D trong trường hợp này đều bị khiếu nại của người không được cấp.

- Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn D không đúng theo quy định của pháp luật cụ thể: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Trần Văn D không có biên bản niêm yết và kết thúc công khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ; cấp GCNQSDĐ diện tích 1627m^2 đất ở nông thôn (ONT) là vượt hạn mức theo quy định tại Điều 3 bản Quy định hạn mức đất ở và hạn mức công nhận đất ở có vườn, ao đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 77/2005/QĐ-UB ngày 03/11/2005 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Với ba lý do nêu trên, việc UBND huyện V ban hành Quyết định 320 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn D là đúng pháp luật. Ông Trần Văn D khiếu nại Quyết định 320 đến Chủ tịch UBND huyện V, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang và đã được trả lời khiếu nại lần 1, lần 2 đều không chấp nhận khiếu nại của ông D trong trường hợp này là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Như đã phân tích trên, việc UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành các Quyết định 320, 2683, 1579 đều đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thể hiện đúng bản chất vụ việc, khách quan, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà D1 yêu cầu hủy các Quyết định này là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D1 giữ nguyên kháng cáo về nội dung này nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung Quyết định số 1745/QĐ-CT ngày 28/10/2004 của Chủ tịch UBND huyện V (Sau đây gọi tắt, viết tắt là Quyết định 1745) về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ cụ Trần Thị N (Hội đồng xét xử chỉ xem xét phần quyết định liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Trần Thị N diện tích 1.627m^2): Căn cứ hồ sơ do UBND huyện V cung cấp thấy rằng: Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định này là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N không có Tờ trình của UBND xã T. Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất xã T ngày 20/10/2004, ghi thành viên Hội đồng đăng ký đất có 7 người nhưng không ghi cụ thể là những ai? Thành phần nào tham gia Hội đồng này và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 76 hộ gia đình, cá nhân. Biên bản này chỉ có chữ ký của Chủ tịch UBND xã và Chủ tịch Hội đồng đăng ký đất (Tài liệu phô tô mờ không rõ tên những người ký), không có chữ ký của Thư ký Hội đồng. Biên bản xác định mốc giới đối với thửa đất 1627m^2 chỉ ghi chủ sử dụng đất là cụ Trần Thị N. Trong khi thửa đất này theo người khởi kiện trình bày là được cụ Trần Văn S cho 360m^2 và đổi đất ruộng 10% để có diện tích đất này và được đứng tên chủ sử dụng đất là Trần Văn D từ năm 1988 đến nay. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho cụ Trần Thị N không có biên bản niêm yết và kết thúc công khai theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn D, một trong những lý do để UBND huyện V thu hồi quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D đó là: *"cấp GCNQSDĐ diện tích 1627m^2 đất ở nông thôn (ONT) là vượt hạn mức theo quy định tại Điều 3 bản Quy định hạn mức đất ở và hạn mức*

công nhận đất ở có vườn, ao đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 77/2005/QĐ-UB ngày 03/11/2005 của UBND tỉnh Bắc Giang". Nhưng sau đó UBND huyện lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Trần Thị N chính thửa đất này và thêm cả thửa đất có diện tích 356m^2.

Tuy có những vi phạm như vậy, hơn nữa thửa đất này đang bị vợ chồng ông Trần Văn D, bà Vũ Thị D cho rằng là đất của vợ chồng bà, không phải là đất của cụ N nhưng ngày 29/10/2014, UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 2, diện tích 1627m^2 tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang cho cụ Trần Thị N là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Vũ Thị D không khởi kiện đối với Quyết định số 1745/QĐ-CT ngày 28/10/2004 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ cụ Trần Thị N và cho rằng đã hết thời hiệu để bà D1 khởi kiện quyết định này. Đồng thời xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N thực hiện đúng thủ tục, thẩm quyền pháp luật quy định để bác yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ N của bà Vũ Thị D là không đúng bởi lẽ: Theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính thì: *"1. Hội đồng xét xử có quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính…quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản pháp luật có liên quan.*

2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:…b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)…".

Như vậy, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các Quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các Quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

Như đã phân tích trên, việc UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Thị N căn cứ vào Quyết định 1745 trong khi trình tự, thủ tục ban hành Quyết định này không đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa thửa đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho cụ N đang có tranh chấp về quyền sở hữu. Do đó, yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị D về việc

hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện V cấp cho cụ N ngày 29/10/2014 theo Quyết định số 1745 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Vũ Thị D: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị D giữ nguyên kháng cáo đối với quyết định này nhưng không đưa ra được căn cứ và như phân tích trên, các Quyết định 320, 2683, 1579 là đúng pháp luật, không gây thiệt hại nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện về nội dung này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện là bà Vũ Thị D; sửa một phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HCST ngày 04/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; khoản 3 Điều 49, khoản 1 Điều 129, Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 18, Điều 21 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 204, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

[1.1] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D về yêu cầu huỷ các Quyết định:

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 của Ủy ban nhân dân huyện V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn D, trú tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Quyết định số 2683/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn D, trú tại Tổ 11, Ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn D, trú tại Tổ 11, Ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị D buộc người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường thiệt hại.

[1.3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị D, hủy Quyết định số 1745/QĐ-CT ngày 28/10/2004 của Chủ tịch UBND huyện V về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có hộ cụ Trần Thị N (Chỉ hủy phần quyết định liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Trần Thị N diện tích 1627m^2). Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX467993, số vào sổ cấp GCN: CH 00621, ngày 29/10/2014; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất: Hộ bà Trần Thị N; thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 2, diện tích 1627, địa chỉ thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[2] Bà Vũ Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Vũ Thị D được nhận lại 200.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 03451 ngày 25/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu